

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thế Chiến và ông Vũ Kim Quy

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/6/2021 và 30/9/2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà .. đường hẻm H, tổ dân phố ., thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tăng H, sinh năm 1991

Địa chỉ: N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Y M Bĩa, sinh năm 1970, bà H' Bkrông, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Hoài Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà .., đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người làm chứng: Chị H' Bkrông, sinh năm 1991

Địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Thị A, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tăng H trình bày:

Ngày 21/01/2020, bà A cho ông Y M Bĩa và bà H' Bkrông vay số tiền 570.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 02 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1.5%/tháng.

Cùng ngày 21/01/2020, ông Y M Byă và bà H' Bkrông tiếp tục vay của bà Anh số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1.5%/tháng.

Tổng cộng bà A cho ông Y M Byă và bà H' Bkrông vay là 576.000.000 đồng. Hai lần vay nêu trên, các bên đều lập giấy mượn tiền đề ngày 21/01/2020. Khi lập giấy vay tiền đều có sự có mặt bà H' Bkrông và con là H' Bkrông. Bà A đã nói rõ với bà H' Bkrông là cho cả vợ và chồng vay nên cả hai vợ chồng là ông Y M Byă và bà H' Bkrông phải ký vào giấy vay tiền nhưng khi lập giấy vay ông Y M Byă không có ở nhà nên bà H' Bkrông và con là H' Bkrông đã đề nghị cho chị H' Bkrông ký vào giấy vay xác để xác nhận việc vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông có vay tiền của bà A, khi nào ông Y M Byă về thì sẽ ký vào giấy vay tiền sau nên bà A đã đồng ý. Sau khi viết xong giấy vay tiền thì bà A đã đưa cho bà H' Bkrông tạm giữ 02 bản giấy vay tiền (bản giấy than liên hai) ngày 21/01/2020 với tổng số tiền vay là 576.000.000 đồng. Ngày hôm sau khi gặp được ông Y M Byă thì bà A mới đề nghị ông Y M Byă ký vào bản gốc 02 giấy vay tiền ngày 21/01/2020 mà bà A đang giữ.

Nay bà A yêu cầu vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông phải có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc 576.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 22/3/2020 đến ngày 30/9/2021 với lãi suất 10%/năm số tiền lãi là $576.000.000đ \times 10\% \text{ năm} \times 18 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 87.680.000đ$.

Riêng chị H' Bkrông là con gái của bà H' Kkrông ký trong giấy vay với tư cách là người làm chứng.

Bị đơn ông Y M Byă, bà H' Bkrông và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Hoài Q trình bày:

Vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông có vay tiền của bà A nhiều lần cụ thể như sau:

- + Năm 2012, vay số tiền 10.000.000 đồng;
- + Năm 2013, vay số tiền 5.000.000 đồng;
- + Năm 2014, vay số tiền 220.000.000 đồng;
- + Năm 2016, vay số tiền 25.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền thực tế mà vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông vay của bà A là 280.000.000 đồng tiền gốc. Kể từ khi mượn các số tiền nêu trên cho đến nay thì vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông chưa trả cho bà A được khoản tiền gốc nào, còn tiền lãi thì đã trả được một phần nhưng không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu và khi trả thì hai bên không viết giấy biên nhận tiền gì. Đối với 04 lần vay tiền nêu trên thì vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông không có chứng cứ gì liên quan đến việc mượn các số tiền này vì bà A đã xé hết các giấy mượn tiền này.

Đối với 02 giấy vay tiền ngày 21/01/2020 mà bà A cung cấp cho Tòa án với tổng số tiền mượn là 576.000.000 đồng, bà H' Bkrông thừa nhận chữ ký tại mục "bên mượn tiền" là do vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông là do vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông ký và viết ra, còn chị H' Bkrông ký với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, thực tế vợ chồng ông Y M Byă và bà H' Bkrông không mượn bà A số tiền này. Đây là số tiền gốc và lãi của các lần vay trước mà bà A đã

công đồn lại thành tiền gốc rồi ghi lại thành 02 giấy mượn tiền ngày 21/01/2020 này. Lý do ông Y M By ã và bà H' Bkrông ký vào 02 giấy mượn tiền ngày 21/01/2020 là do bị bà A ép buộc và hứa nếu ký thì bà A sẽ cho mượn tiền để đáo hạn Ngân hàng nhưng thực tế sau khi ký xong thì bà A đã không cho vợ chồng ông Y M Byã và bà H' Bkrông mượn tiền như đã hứa. Mặt khác khi bà A giao 02 giấy mượn tiền ngày 21/01/2020 cho bà H' Bkrông giữ thì không có chữ ký của ông Y M Byã nhưng bà A lại cung cấp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền ngày 21/01/2020 có chữ ký của ông Y M Byã cho thấy sự gian dối của bà A.

Nay bà A yêu cầu ông Y M By ã và bà H' Bkrông phải có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc 576.000.000 đồng và tiền lãi, thì vợ chồng ông Y M By ã và bà H' Bkrông chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền 440.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 14/3/2021 người làm chứng chị H Bkrông trình bày: Vào ngày 13/3/2021 tôi nhận được thông báo số 114/TB-TA ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana về việc đưa tôi vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tôi xin có ý kiến như sau: Đối với việc bà A khởi kiện mẹ tôi là bà H'Bkrông thì tôi không biết, tôi không liên quan gì đến vụ án, việc bà A cung cấp giấy tờ có chữ ký của tôi thì tôi chỉ ký với tư cách là người làm chứng, bà A gặp tôi nói ký làm chứng, thì mới cho mẹ tôi vay tiền để đáo hạn ngân hàng, thấy mẹ tôi khó khăn nên tôi mới ký vào các giấy mượn tiền của bà A, để mẹ tôi trả nợ ngân hàng thì tôi mới ký. Do đó, đề nghị Tòa án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của tôi chỉ là người làm chứng. Vì lý do công việc nên tôi xin từ chối tham gia các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*". Bị đơn cư trú tại xã B, huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 576.000.000đ và lãi theo pháp luật.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326 của UBNVQH/QH13. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho

đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn đã khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà Đỗ Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Y M Byă, bà H’ Bkrông phải trả tiền nợ gốc 576.000.000đ và tiền lãi 87.680.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị A và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là 02 giấy mượn tiền bản gốc đề ngày 21/01/2020 nội dung bên cho mượn tiền bà Đỗ Thị A, bên mượn tiền bà H’ Bkrông với số tiền là 570.000.000đ hạn 02 tháng trả, giấy mượn tiền ngày 21/01/2020 nội dung bên cho mượn tiền bà Đỗ Thị A, bên mượn tiền bà H’ Bkrông với số tiền là 6.000.000đ hạn 01 tháng trả nợ. Nếu sai hạn sẽ trả lãi suất theo thỏa thuận của hai bên, ông Y M Byă, bà H’ Bkrông ký tên bên mượn tiền. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định bị đơn có vay tiền của bà Anh nhiều lần cụ thể:

- + Năm 2012, vay số tiền 10.000.000 đồng;
- + Năm 2013, vay số tiền 5.000.000 đồng;
- + Năm 2014, vay số tiền 220.000.000 đồng;
- + Năm 2016, vay số tiền 25.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc là 280.000.000^d, tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc mình chỉ vay của nguyên đơn tổng cộng số tiền gốc trên ý kiến của bị đơn không được nguyên đơn bà A thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ giấy vay tiền đề ngày 21/01/2020 với số tiền là 570.000.000đ thời hạn trả nợ 02 tháng và giấy mượn tiền đề ngày 21/01/2020 với số tiền 6.000.000đ, thời hạn trả là 01 tháng. Các giấy vay tiền này đều có chữ viết, chữ ký của bị đơn, bị đơn cho rằng bị lừa dối, chỉ ký giấy nhưng không nhận tiền. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Y M Byă bà H’ Bkrông thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là chữ ký của vợ chồng bị đơn ký bên người mượn tiền. Điều đó chứng tỏ rằng việc các đương sự có thiết lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Nay đã quá hạn trả nợ, nhưng bị đơn không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ của người vay quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cần chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của bà A, buộc bị đơn ông Y M Byă, bà H' Bkrông phải trả số tiền nợ gốc là 576.000.000đ là phù hợp.

[2.2] Về tiền lãi: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi là 87.680.000đ, tại chứng cứ gốc 02 giấy mượn tiền đề ngày 21/1/2020 thể hiện “ nếu sai hẹn sẽ trả lãi suất theo thỏa thuận của hai bên...” là không thể hiện rõ mức lãi suất, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận. Tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là (nợ gốc 576.000.000^d x 10%/năm x thời gian 18 tháng 08 ngày từ ngày vi phạm 22/3/2020 đến 30/9/2021) = 87.680.000đ.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Y M Byă, bà H' Bkrông chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị A, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho đương sự số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào: Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị A.

Buộc ông Y M Byă, bà H' Bkrông phải trả cho bà Đỗ Thị A số tiền gốc 576.000.000đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 87.680.000đ (tám mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí: Ông Y M Byă, bà H' Bkrông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 30.547.200 đ.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị A số tiền tạm ứng án phí 15.000.000^d (Mười lăm triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, Đắk Lắk, biên lai số 14755 ngày 22/10/2020.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS Krông Ana;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên